

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST
Ngày 15-8-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng và
Hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Ông Trần Trọng Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2019 tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VV; địa chỉ: Số 89 A, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D; địa chỉ: Số 152 E, quận F, thành phố Hải Phòng - là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần VV (theo Văn bản ủy quyền lại số 1125/2020/UQ-VPB ngày 29 tháng 4 năm 2020 của ông ông G - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, Ngân hàng Thương mại cổ phần VV); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP; địa chỉ: Số 458, quốc lộ 5A, phường H, quận F, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà I; chức vụ: Giám đốc - là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà I; nơi cư trú: Thôn J, xã K, huyện L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06-4-2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần VV do ông D là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần VV (sau đây viết tắt là VV) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP (sau đây viết tắt là Công ty DP) có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016 và các khế ước nhận nợ. Theo đó, Công ty DP vay vốn của VV với tổng số tiền là: 1.457.900.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công cơ khí, tráng phủ kim loại.

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày các bên lập khế ước nhận nợ.

- Lãi suất cho vay trong hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất được VV và Công ty DP thỏa thuận theo cung cấp vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Công ty DP và được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Công ty DP và VV.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi.

Các khế ước nhận nợ gồm:

- ***Khế ước nhận nợ số: 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016:*** Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: 18.7%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 26-9-2016. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của VV do Hội sở chính của VV tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

- ***Khế ước nhận nợ số: 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016:*** Số tiền nhận nợ: 166.600.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: 17.7%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 03-12-

2016. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của VV do Hội sở chính của VV tại thời điểm điều chỉnh điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.3%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017: Số tiền nhận nợ: 291.300.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: 18.4%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 15-3-2017. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của VV do Hội sở chính của VV tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.8%/năm.

Về Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên: Theo Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa PVBank với Bà I. Trong đó, bà I đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty DP trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty DP với VV phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty DP và VV bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Về Quá trình thực hiện Hợp đồng và các khế ước nhận nợ:

VV đã thực hiện đầy đủ các điều khoản ký kết trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Tuy nhiên, kể từ ngày 15-3-2017 đối với khế ước nhận nợ số 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017; kể từ ngày 28-3-2017 đối với các khế ước nhận nợ số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016 và số 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016, Công ty DP đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với VV. Do đó, VV đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

VV đã nhiều lần yêu cầu Công ty DP thanh toán các khoản nợ còn lại nhưng Công ty DP không thực hiện. Do vậy, VV yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty DP phải thanh toán cho VV số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-8-2020 như sau:

* Đối với khế ước nhận nợ số: 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016 từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016: Số tiền gốc đã trả: 499.800.000 đồng; số tiền lãi đã trả: 89.875.135 đồng. Nợ gốc còn phải trả: 500.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.903.626 đồng; nợ lãi quá hạn: 485.246.105 đồng.

* Đối với khế ước nhận nợ số: 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016 từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016: Số tiền gốc đã trả: 55.200.000 đồng; số tiền lãi đã trả: 10.391.679 đồng. Nợ gốc còn phải trả: 111.400.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.157.742 đồng; nợ lãi quá hạn:

67.400.094 đồng.

* Đối với khế ước nhận nợ số: 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017 từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016: Số tiền gốc đã trả: 0 đồng; số tiền lãi đã trả: 0 đồng. Nợ gốc còn phải trả: 291.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.168.827 đồng; nợ lãi quá hạn: 270.690.633 đồng.

Tổng cộng số tiền của các khế ước nhận nợ phải trả gồm: Nợ gốc phải trả: 500.200.000 đồng + 111.400.000 đồng + 291.300.000 đồng = 902.900.0000 đồng (*Chín trăm linh hai triệu, chín trăm nghìn*) đồng; nợ lãi trong hạn phải trả: 4.903.626 đồng + 1.157.742 đồng + 4.168.827 đồng = 10.230.195 đồng (*Mười triệu, hai trăm ba mươi nghìn, một trăm chín mươi lăm*) đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 485.246.105 đồng + 67.400.094 đồng + 270.690.633 đồng = 823.336.832 đồng (*Tám trăm hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi hai*) đồng.

Ngoài ra, VV yêu cầu Công ty DP phải trả số tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 16-5-2020 là: 244.710.861 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty DP phải trả cho VV bao gồm số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn, số tiền phạt chậm trả lãi như sau: 902.900.0000 đồng + 10.230.195 đồng + 823.336.832 đồng + 244.710.861 đồng = 1.981.177.888 đồng (*Một tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi tám*) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền phạt chậm trả lãi là: 244.710.861 đồng.

Như vậy, VV đề nghị Tòa án buộc Công ty DP phải trả cho VV tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-8-2020 sau khi trừ đi số tiền phạt chậm trả lãi là: 1.981.177.888 đồng - 244.710.861 đồng = 1.736.467.027 đồng (*Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy*) đồng.

Trong trường hợp Công ty DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VV, buộc Bà I phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty DP theo Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa VV với Bà I.

Trong trường hợp Công ty DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VV thì VV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý theo thỏa thuận tại các hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty DP thực tế thanh toán hết nợ

cho VV.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty DP; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà I vắng mặt không có lý do. Mặt khác, Công ty DP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà I cũng không gửi bất kỳ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của VV.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án, nguyên nhân chủ yếu do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 361, 362, 363, 369, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty DP phải trả cho VV tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-8-2020 là: 1.736.467.027 đồng (*Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy*) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 902.900.0000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.230.195 đồng; nợ lãi quá hạn là: 823.336.832 đồng.

Trong trường hợp Công ty DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VV, buộc Bà I phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty DP theo Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa VV với Bà I.

Trong trường hợp Công ty DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VV thì VV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý theo thỏa thuận tại các hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty DP thực tế thanh toán hết nợ cho VV.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu, không đề nghị bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 15-6-2020 là: 244.710.861 đồng, do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đã rút. Về án phí: Buộc Công ty DP phải chịu 64.094.011 đồng (*Sáu mươi tư triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, không trăm mười một*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho VV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.548.500 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008493 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Do đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa pháp nhân với pháp nhân; bị đơn có trụ sở tại: Số 458 quốc lộ 5A, phường H, quận F, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn là Công ty DP và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà I đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung:

[3] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016, các khế ước nhận nợ số: 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016; số 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016; số: 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017 giữa Công ty DP và VV; Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa bà I và VV được

xác lập do các bên tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 402, 405 của Bộ luật Dân sự 2005, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng và khế ước nhận nợ. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, thể hiện: VV đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho Công ty DP theo các khế ước nhận nợ Khế ước nhận nợ số: 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016; Khế ước nhận nợ số: 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016; Khế ước nhận nợ số: 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017. Kể từ ngày 15-3-2017 đối với khế ước nhận nợ số 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017; kể từ ngày 28-3-2017 đối với các khế ước nhận nợ số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016 và số 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016, Công ty DP đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VV. Do đó, VV đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và cho đến nay Công ty DP vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho VV. Việc Công ty DP không thanh toán các khoản nợ đến hạn, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho VV, sau khi VV đã hoàn thành các nội dung cam kết theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, làm cho quyền lợi của VV bị xâm phạm. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc thanh toán các khoản nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, VV yêu cầu Tòa án buộc Công ty DP phải trả cho VV tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-8-2020 là 1.736.467.027 đồng (*Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy*) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 902.900.0000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.230.195 đồng; nợ lãi quá hạn là: 823.336.832 đồng.

Về phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc cũng như trong Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, đồng thời không cung cấp cho Tòa án các văn bản, ý kiến của bị đơn, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xem xét. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 290 Bộ luật Dân sự 2005, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn là Công ty DP phải trả cho VV tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-8-2020 là: 1.736.467.027 đồng (*Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy*) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 902.900.0000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.230.195 đồng; nợ lãi quá hạn là: 823.336.832 đồng.

Trong trường hợp Công ty DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VV thì VV đề nghị Tòa án buộc Bà I phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty DP là đúng theo Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa VV với Bà I.

Trong trường hợp Công ty DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VV thì VV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý theo thỏa thuận tại các hợp đồng và theo quy định của pháp luật để thu hồi các khoản nợ là đúng với điều khoản cam kết trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016; các khế ước nhận nợ số: 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016; số 031116-3024161-01-SME ngày 03-11-2016; số: 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017 và Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa VV với Bà I.

Ngoài ra, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Công ty DP tiếp tục thanh toán cho VV tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ theo quy định của pháp luật kể từ ngày tiếp theo của xét xử sơ thẩm 15-8-2020 cho đến khi Công ty DP thanh toán hết nợ vay cho VV.

[4.1] Về việc VV rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền phạt chậm trả lãi là: 244.710.861 đồng. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244, nên đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.548.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008493 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Buộc bị đơn là Công ty DP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn 1.736.467.027 đồng, cụ thể: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt 800.000.000 đồng (1.736.467.027 đồng - 800.000.000 đồng) = 64.094.011 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 361, 362, 363, 369, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VV tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-8-2020 là: 1.736.467.027 đồng (*Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy*) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 902.900.0000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.230.195 đồng; nợ lãi quá hạn là: 823.336.832 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016; các khế ước nhận nợ số: 260816-3024161-01-SME ngày 26-8-2016; số 031116-3024161-01-SME ngày 03/11/2016; số: 140217-3024161-01-SME ngày 15-02-2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần VV và Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VV, buộc Bà I phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP theo Hợp đồng Bảo lãnh số 260816-3024161-01-SME/HĐBL ký ngày 26-8-2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần VV với Bà I.

Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VV thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý theo thỏa thuận tại các hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần VV về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là: 244.710.861 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười nghìn, tám trăm sáu mươi một*) đồng.

3. Về án phí: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn DP phải chịu 64.094.011 đồng (*Sáu mươi tư triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, không trăm mười một*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.548.500 (*Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008493 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát ND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chung